

Số: 14/2024/QĐST-DS

Đắk Hà, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (tên viết tắt: H). Địa chỉ: Số B B, đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đức T1 - Chức vụ: Quyền giám đốc – Ngân hàng TMCP P; Người được uỷ quyền lại Ông Nguyễn Huỳnh B. Địa chỉ: Số E, đường T, phường Q, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn Ông A Y, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền phải thanh toán: Ông A Y phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (tên viết tắt: H) tính đến ngày 07/6/2024 tổng số tiền là 77.270.386 đồng (Bảy mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn ba trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), nợ lãi: 7.270.386 đồng (Bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn ba trăm tám mươi sáu đồng) – (nợ lãi trong hạn: 2.150.066 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.120.320 đồng).

Lãi suất phát sinh sẽ tiếp tục được tính kể từ ngày 08/6/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 0015/21CNKT/HĐTD ngày 27/01/2021 trên số nợ gốc thực nợ cho đến ngày ông **A Y** trả hết nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật. **Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H** (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **A Y** (bên phải thi hành án) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết giữa **Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H** với ông **A Y**. Tài sản thế chấp gồm có:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại **Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Kon Tum**. Vị trí lô đất tại tờ bản đồ số 44, thửa đất số 27. Diện tích: 13831,2 m² (*Mười ba nghìn tám trăm ba mươi một phẩy hai mét vuông*). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 445822, số vào sổ cấp GCN: CH 03822 do **Ủy ban nhân dân huyện S** cấp ngày 30/12/2016 mang ông **Y**.

Trường hợp sau khi kê biên xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết khoản nợ vay và các chi phí khác (nếu có) thì ông **A Y** có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 155; Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) các đương sự phải chịu, ông **A Y** thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền này.

Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên ông **A Y** phải hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H** số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do hòa giải thành nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định của số tiền phải thanh toán, tính được là 1.931.759 đồng (*Một triệu chín trăm ba mươi một ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng*). Số tiền này, ông **A Y** thỏa thuận chịu toàn bộ.

Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.847.900 đồng (*Một triệu*

tám trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm đồng) đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số: 0001348 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Đương sự;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga